

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÂM CANH TỔNG HỢP CÂY LẠC, SẴN VÀ NGÔ ĐẠT NĂNG SUẤT CAO TẠI QUẢNG TRỊ NĂM 2016 - 2017

Trịnh Đức Toàn¹, Võ Văn Trung¹, Phạm Thế Cường¹,
Trần Thị Duyên¹, Lê Thị Thom¹

TÓM TẮT

Năm 2016 - 2017, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ (Viện KHKTNN Bắc Trung bộ) đã tiến hành lựa chọn và xây dựng mô hình thâm canh đạt năng suất cao cho cây lạc, cây sắn và cây ngô thuộc “Chương trình Hạnh phúc” của KOICA tại Quảng Trị. Kết quả các mô hình đều cho năng suất cao hơn hẳn so với sản xuất đại trà của địa phương, mô hình thâm canh lạc đạt năng suất từ 3,42 - 3,73 tấn/ha (tăng từ 53,98 - 68,02%), lợi nhuận đạt từ 21,05 - 21,80 triệu đồng/ha; mô hình sắn trồng xen đậu xanh đạt 36,8 tấn/ha (tăng 26,03%), lợi nhuận tăng thêm 8,473 triệu đồng/ha; mô hình ngô đạt năng suất 6,64 - 6,74 tấn/ha (tăng từ 69,24 - 71,64 %), lợi nhuận từ 11 - 12 triệu đồng/ha.

Từ khóa: Mô hình, Quảng Trị, thâm canh, cây lạc, sắn, ngô

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ, Quảng Trị có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nên nhiệt cao, chế độ ánh sáng và mưa dồi dào, thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng nông nghiệp, trong đó cây lạc, sắn và ngô là 3 loại cây trồng chủ lực có tính hàng hóa trên thị trường. Hiện nay năng suất các loại cây trồng này trên địa bàn tỉnh Quảng Trị còn khá thấp, năng suất lạc, sắn và ngô mới chỉ đạt bình quân 1,8 tấn/ha, 1,6 tấn/ha và 2,61 tấn/ha tương ứng. Năng suất thấp là do nhiều yếu tố, trong đó yếu tố về giống và kỹ thuật thâm canh là chủ yếu. Trình độ thâm canh của người nông dân còn thấp: sử dụng giống cũ, năng suất thấp, chất lượng kém; kỹ thuật bón phân chưa đủ và không cân đối; phòng trừ sâu bệnh hại chưa tốt, tập quán canh tác lạc hậu, ít đầu tư thâm canh, chưa ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất,... do đó chưa tận dụng hết tiềm năng và lợi thế của vùng để sản xuất thâm canh tăng năng suất và chất lượng giống cây trồng (Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị, 2016).

Xuất phát từ thực tế nêu trên, “Chương trình Hạnh phúc” của KOICA tại Việt Nam đã được giới thiệu thực hiện ở Quảng Trị thông qua dự án KOPIA Việt Nam để giới thiệu các tiến bộ kỹ thuật mới của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, trong đó có Viện KHKTNN Bắc Trung bộ đã tiến hành lựa chọn 03 cây trồng chính là cây lạc, sắn và ngô để xây dựng mô hình góp phần nâng cao năng suất, chất lượng giống cây trồng và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương tại tỉnh Quảng Trị.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống lạc: L14, L27, L20.
- Giống sắn KM94, giống đậu xanh DX-208.
- Giống ngô CS71 và NK7328.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp triển khai mô hình

- Tổ chức hội nghị chuyên gia lựa chọn cây trồng tiềm năng và công nghệ phù hợp để xây dựng mô hình. Lựa chọn điểm và các hộ dân đáp ứng được các tiêu chí để xây dựng mô hình và theo mục tiêu của dự án. Trong quá trình triển khai mô hình thường xuyên có các cán bộ kỹ thuật của Viện giám sát, chỉ đạo và hướng dẫn người dân. Gắn với các hoạt động xây dựng mô hình là các hội nghị đầu bờ đánh giá kết quả thực hiện mô hình và nhân rộng mô hình, các lớp tập huấn đào tạo cho cán bộ địa phương để nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất.

- Đối với cây lạc: Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất lạc đạt 5,0 tấn/ha của Viện KHKTNN Bắc Trung bộ. Quy trình công nghệ gồm: Giống mới năng suất cao, kỹ thuật làm đất, mật độ thích hợp, che phủ ni lông, bón phân cân đối, chế phẩm sinh học, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, tưới tiêu hợp lý, công nghệ sau thu hoạch (Phạm Văn Chương và *ctv.*, 2010).

- Đối với cây ngô: Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất thâm canh ngô đạt năng suất cao của Viện KHKTNN Bắc Trung bộ. Quy trình gồm: Giống mới năng suất cao, kỹ thuật làm đất, mật độ thích hợp, bón phân cân đối, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, tưới tiêu hợp lý, công nghệ sau thu hoạch.

- Đối với cây sắn: Ứng dụng công nghệ canh tác sắn bền vững cho các tỉnh phía Bắc của Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây có củ - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm. Quy trình kỹ thuật này được Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là tiến bộ kỹ thuật cho phép áp dụng cho các tỉnh phía Bắc Việt Nam theo Quyết định số 104/QĐ-TT-CLT ngày 27/4/20110 (Lê Quốc Doanh và *ctv.*, 2005).

¹ Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ

Đây là các quy trình công nghệ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, đồng bộ trong sản xuất kết hợp với kiến thức bản địa để xây dựng mô hình thâm canh đạt năng suất cao, bền vững.

Quy mô: Mô hình lạc là 3 ha/vụ và 4 ha đối với mô hình ngô.

2.2.2. Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế của các mô hình

Dựa vào phương pháp hạch toán tài chính tổng quát để phân tích:

$$RAVC = GR - TVC$$

Trong đó: RAVC (Return above variable cost) là lợi nhuận; GR (Gross Return) là tổng thu nhập thuần = năng suất × giá bán trung bình. TVC (Total variable cost) là tổng chi phí khả biến = chi phí vật tư + chi phí lao động + chi phí năng lượng.

Bảng 1. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất lạc của mô hình so với sản xuất đại trà (đ/c) vụ Xuân 2016 tại huyện Cam Lộ - Quảng Trị

Giống	Chỉ tiêu	Số quả chắc/cây	Cây/m ²	P 100 quả (g)	NSTT (tấn/ha)	Tăng so với đ/c (%)
L27		12	42	152	3,74	68,02
L14		11	42	155	3,42	53,98
L14 (đ/c)		8	35 - 38	150	2,22	-

3.1.2. Đánh giá về hiệu quả kinh tế của mô hình lạc

Đánh giá hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất thâm canh lạc so với mô hình sản xuất đại trà của bà con nông dân cho thấy: Việc áp dụng đúng theo

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian thực hiện mô hình: Vụ Xuân 2016 và Xuân 2017.

- Địa điểm: Huyện Cam Lộ và huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả xây dựng mô hình thâm canh cây lạc và cây sắn năm 2016 tại huyện Cam Lộ - Quảng Trị

3.1.1. Đánh giá về năng suất của các giống lạc trong mô hình

Kết quả số liệu bảng 1 cho thấy: Số quả chắc/cây của các giống lạc trong mô hình chênh lệch nhau không đáng kể, cao hơn giống đối chứng và dao động trong khoảng 11 - 12 quả/cây. Năng suất của các giống lạc trong mô hình dao động từ 3,42 - 3,74 tấn/ha, cao hơn so với đối chứng từ 53,98 - 68,02%.

quy trình kỹ thuật thâm canh, mức đầu tư cao hơn sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà, lợi nhuận thu lại đạt 21,8 triệu đồng/ha (Bảng 2).

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế mô hình thâm canh sản xuất lạc so với mô hình sản xuất đại trà vụ Xuân 2016 tại Cam Lộ - Quảng Trị (tính cho 01 ha)

TT	Khoản mục	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Mô hình thâm canh		Mô hình đại trà	
				Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
I	Tổng chi (1 + 2)				54.500.000		42.400.000
1	Vật liệu				34.500.000		22.400.000
	Phân chuồng	Tấn	800.000	15	12.000.000	10	8.000.000
	Phân NPK 3:9:6	Kg	6.000	1.000	6.000.000	800	4.800.000
	Nilông	Kg	45.000	100	4.500.000	-	-
	Giống	Kg	40.000	220	8.800.000	200	8.000.000
	Chế phẩm sinh học	Ha	1.200.000	1	1.200.000	-	-
	Thuốc BVTV	Ha	1.000.000	1	1.000.000	1	1.000.000
	Vôi bột	Kg	2.000	500	1.000.000	300	600.000
2	Công lao động PT	Công			20.000.000		20.000.000
3	Năng suất	Tấn		3,58		2,22	
II	Tổng thu	Tấn	2.500.000	3,58	89.475.000	2,22	55.575.000
1	Lãi thuần (II - I)				34.975.000		13.175.000
2	Lãi trong mô hình so với ngoài MH				21.800.000		

3.1.3. Đánh giá về năng suất của mô hình sản trồng xen đậu xanh

Kết quả số liệu bảng 3 cho thấy các chỉ tiêu về số củ/cây, khối lượng trung bình củ/cây của sản trồng xen cao hơn hẳn so với sản trồng thuần, do đó năng suất

thực thu của mô hình sản trồng xen đạt 36,8 tấn/ha, cao hơn hẳn so với sản trồng thuần (29,2 tấn/ha). Tỷ lệ tinh bột giữa 2 mô hình chênh lệch nhau không đáng kể.

Bảng 3. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của mô hình sản xen đậu xanh so với sản trồng thuần vụ Xuân 2016 tại Cam Lộ - Quảng Trị

TT	Giống	Mật độ (hom)	Số củ/cây	Khối lượng TB củ/cây (kg)	NSTT (tấn/ha)	Tỷ lệ tinh bột (%)	Tăng so với đối chứng (%)
1	KM94 xen đậu xanh	12.000	7,7	4,11	36,8	25,9	26,03
2	KM94 trồng thuần	12.000	5,8	3,24	29,2	24,7	-
3	Đậu xanh ĐX 208				2,85		

3.1.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản trồng xen đậu xanh

Kết quả bảng 4 cho thấy: Mô hình sản trồng xen đậu xanh được đầu tư với chi phí ban đầu cao hơn sản trồng thuần và áp dụng đúng theo quy trình kỹ thuật, do đó năng suất đạt được cao hơn. Mặt khác,

ngoài thu nhập từ cây sắn, người dân còn có thêm thu nhập từ cây trồng xen (đậu xanh), do đó lợi nhuận thu được đạt 27,269 triệu đồng/ha, cao hơn so với sản xuất sản trồng thuần khoảng 8,473 triệu đồng/ha.

Bảng 4. Hoạch toán hiệu quả kinh tế của mô hình sản sản xuất đại trà với mô hình sản xen đậu xanh vụ Xuân 2016 tại Cam Lộ - Quảng Trị (tính cho 01 ha)

Hạng mục		Sản xen đậu xanh		Sản trồng thuần	
Chi phí sản xuất	Đơn giá (1.000 đ)	Số lượng	Thành tiền (1.000 đ)	Số lượng	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
<i>1. Chi cây sắn</i>			24.991		18.764
Giống (hom)	0,7	2.000	1.400	2.000	1.400
Cày đất (khoán)	1.200	1	1.200	1	1.200
Công lao động PT	180	42	7.560	40	7.200
Thu hoạch (khoán)	170	36,8	6.256	29,2	4.964
Phân chuồng (kg)	0,5	8.000	4.000	0	0
Đạm, Lân, Kali, vôi bột			4.575		4.000
<i>2. Chi cây trồng xen</i>			6.980	0	0
Công lao động phổ thông	29	180	5.220	-	-
Giống	7	50	350	-	-
Đạm, Lân, Kali			1.250	-	-
Thuốc BVTV	8	5	40	-	-
Công phun thuốc			120	-	-
Tổng chi (A)			31.971	0	18.764
Thu nhập sản phẩm từ cây sắn (tấn)		36,8	47.840	29,2	37.960
Thu nhập từ cây trồng xen (tấn)		0,285	11.400	0	0
Tổng thu (B)			59.240		37.960
Lãi thuần = B - A			27.269		19.196

3.2. Kết quả xây dựng mô hình thâm canh cây lạc và cây ngô năm 2017 tại huyện Vĩnh Linh - Quảng Trị

3.2.1. Đánh giá về năng suất của các giống lạc trong mô hình

Kết quả bảng 5 cho thấy: Số quả chắc/cây của

giống lạc L20 trong mô hình đạt 12 quả/cây, cao hơn hẳn so với giống địa phương sản xuất đại trà (8 quả/cây). Khối lượng 100 quả, 100 hạt và tỷ lệ nhân của giống lạc L20 đều cao hơn giống đối chứng địa phương. Năng suất thực thu của giống lạc L20 đạt 3,54 tấn/ha, cao hơn so với giống đối chứng từ 62,35%.

Bảng 5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lạc vụ Xuân 2017 tại Vĩnh Linh - Quảng Trị

Giống	Chỉ tiêu	Số quả chắc/cây	P 100 quả (g)	P 100 hạt (g)	Tỷ lệ nhân (%)	NSTT (tấn/ha)	Tăng so với đ/c (%)
L20		12	157	60	70	3,54	62,35
Địa phương (đ/c)		8	133	51	67	2,19	-

3.2.2. Đánh giá về hiệu quả kinh tế của mô hình lạc

Đánh giá hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất thâm canh lạc đạt năng suất cao với mô hình sản xuất đại trà của bà con nông dân cho thấy: Năng suất

lạc trong mô hình tăng từ 62,35%. Kết quả phân tích cho thấy nếu đầu tư theo mô hình sản xuất thâm canh (Bảng 6) thì lợi nhuận thu lại sẽ tăng thêm khoảng 21,05 triệu đồng/ha.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế mô hình thâm canh sản xuất lạc so với mô hình sản xuất đại trà vụ Xuân 2017 tại Vĩnh Linh - Quảng Trị (tính cho 01 ha)

TT	Khoản mục	Đơn giá (đồng)	Mô hình thâm canh		Mô hình đại trà	
			Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
I	Tổng chi (1 + 2)			55.300.000		42.400.000
1	Vật liệu			35.300.000		22.400.000
	Phân chuồng (tấn)	800.000	15	12.000.000	10	8.000.000
	Phân NPK (kg)	6.000	1.000	6.000.000	800	4.800.000
	Nilông (kg)	45.000	100	4.500.000	-	-
	Giống (kg)	40.000	240	9.600.000	200	8.000.000
	Chế phẩm sinh học (ha)	1.200.000	1	1.200.000	-	-
	Thuốc BVTV (ha)	1.000.000	1	1.000.000	1	1.000.000
	Vôi bột (kg)	2.000	500	1.000.000	300	600.000
2	Công lao động PT			20.000.000		20.000.000
3	Năng suất (tấn)		3,54		2,19	
II	Tổng thu	2.500.000	3,54	88.400.000	2,19	54.450.000
1	Lãi thuần (II – I)			33.100.000		12.050.000
2	Lãi trong MH so với ngoài MH			21.050.000		

3.2.3. Đánh giá về năng suất của các giống ngô trong mô hình

Các giống ngô trong mô hình có số hàng hạt/bấp và số hạt/hàng cao hơn so với giống đối chứng, tương ứng đạt từ 14,2 - 14,6 hàng hạt/bấp và 29 - 30

hạt/hàng, giống đối chứng chỉ đạt 12,2 hàng hạt và 25 hạt/hàng tương ứng. Năng suất thực thu của các giống ngô trong mô hình dao động từ 6,641 - 6,735 tấn/ha, cao hơn so với giống đối chứng từ 69,24 - 71,64% (Bảng 7).

Bảng 7. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống ngô vụ Xuân 2017 tại Vĩnh Linh - Quảng Trị

Giống	Chỉ tiêu	Hàng hạt/bấp (hàng)	Số hạt/hàng (hạt)	NSTT (tấn/ha)	Tăng so với đối chứng (%)
CS71		14,6	30	6,735	71,64
NK7328		14,2	29	6,641	69,24
LVN10 (đ/c)		12,2	25	3,924	-

3.2.4. Đánh giá về hiệu quả kinh tế của mô hình ngô

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình thâm canh ngô so với mô hình sản xuất đại trà của bà con cho thấy việc áp dụng đúng theo quy trình kỹ thuật và mức đầu tư thâm canh hợp lý sẽ cho

năng suất cao hơn và hiệu quả kinh tế cao hơn, lợi nhuận thu được theo mô hình thâm canh tăng thêm từ 8 - 9 triệu đồng/ha so với mô hình sản xuất đại trà (Bảng 8).

Bảng 8. Hiệu quả kinh tế mô hình thâm canh sản xuất ngô so với mô hình sản xuất đại trà vụ Xuân 2017 tại Vĩnh Linh - Quảng Trị (tính cho 01 ha)

TT	Nội dung	Giống	Giống ngô mô hình		Giống đối chứng
			CS71	NK7328	LVN10
I	Tổng chi		31.525.000	31.525.000	27.400.000
1	Vật tư		21.525.000	21.525.000	17.400.000
	Giống		3.125.000	3.125.000	2.250.000
	Phân vi sinh		6.250.000	6.250.000	3.000.000
	Đạm, Lân, Kali		7.650.000	7.650.000	7.650.000
	Thuốc BVTV		4.500.000	4.500.000	4.500.000
2	Công lao động phổ thông		10.000.000	10.000.000	10.000.000
II	Tổng thu		47.145.000	46.487.000	30.968.000
1	Đơn giá (đồng)		700.000	700.000	700.000
2	Năng suất (tấn/ha)		6,74	6,64	4,42
III	Lãi thuần		15.620.000	14.962.000	3.568.0000
IV	Chênh lệch so với đối chứng		12.052.000	11.394.000	-

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả các mô hình thâm canh tổng hợp đều cho năng suất cao hơn hẳn so với sản xuất đại trà. Năm 2016 tại huyện Cam Lộ, năng suất lạc đạt 3,42 - 3,74 tấn/ha (tăng từ 53,98 - 68,02%), lợi nhuận đạt 21,80 triệu đồng/ha; năng suất sản trồng xen đậu xanh đạt 36,8 tấn/ha (tăng 26,03%) và lợi nhuận đạt 27,269 triệu đồng/ha. Năm 2017 tại huyện Vĩnh Linh, năng suất lạc đạt 3,54 tấn/ha (tăng 62,35%), lợi nhuận đạt 21,05 triệu đồng/ha; năng suất ngô đạt từ 6,64 - 6,74 tấn/ha (tăng từ 69,24 - 71,64%), lợi nhuận đạt từ 11 - 12 triệu đồng/ha.

4.2. Đề nghị

- Tiếp tục chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp đến người dân ở các vùng miền khác nhau của tỉnh Quảng Trị nói riêng

và vùng Bắc Trung bộ nói chung, khuyến khích người dân áp dụng kỹ thuật thâm canh tổng hợp trong sản xuất, thay đổi tập quán canh tác cũ nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích.

- Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân áp dụng TBKT mới vào sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm văn Chương, Phan Thị Thanh, Lê văn Trường và cs., 2010. Kết quả nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật đồng bộ để sản xuất lạc xuân đạt 5 tấn/ha.
- Lê Quốc Doanh, Hà Đình Tuấn, Andre Chanbanne, 2005. *Canh tác đất dốc bền vững*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị, 2016. Báo cáo tình hình sản xuất ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2014 - 2015.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ,
2016. Báo cáo kết quả năm 2016 của dự án: “Phát triển và phổ biến tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở các vùng triển khai dự án Chương trình Hạnh phúc của KOICA tại Lào Cai và Quảng Trị”. *Hội thảo đầu bờ giới thiệu TBKT mới tại huyện Cam Lộ, Quảng Trị.*

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ,
2017. Báo cáo kết quả năm 2017 của dự án: “Phát triển và phổ biến tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở các vùng triển khai dự án Chương trình Hạnh phúc của KOICA tại Lào Cai và Quảng Trị”. *Hội thảo đầu bờ giới thiệu TBKT mới tại huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị.*

Results on building demonstration pilot of intensive cultivation of high yielding groundnut, cassava and maize varieties in Quang Tri province from 2016 to 2017

Trinh Duc Toan, Vo Van Trung,
Pham The Cuong, Tran Thi Duyen, Le Thi Thom

Abstract

The project “Agricultural technology development and dissemination in Lao Cai and Quang Tri under KOICA Happiness Programs” was carried out by ASINCV in Quang Tri province from 2016 to 2017. The project selected potential crop and built demonstration pilot of intensive cultivation for groundnut, cassava and maize in Cam Lo and Vinh Linh districts of Quang Tri province. The results showed that the yield of crop varieties in the demonstration pilot was higher than that in the traditional cultivation farm. The groundnut intensive cultivation model yielded from 3.42 to 3.74 tons per hectare (increased by 53.98 - 68.02%), profit increased by 21.05 - 21.80 million VND/ha; the yield of cassava intercropping with mung bean reached 36.8 tons/ha (increased by 26.03%), adding profit increased by 8.4473 million VND/ha; the yield of maize was 6.64 - 6.74 tons per hectare (increased by 69.24 to 71.64%), and the profit increased by 11 - 12 million VND/ha.

Key words: Demonstration pilot, Quang Tri, groundnut, cassava and maize varieties, intensive cultivation

Ngày nhận bài: 21/9/2017
Ngày phản biện: 2/11/2017

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng
Ngày duyệt đăng: 10/11/2017

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÂM CANH TỔNG HỢP, ÁP DỤNG CƠ GIỚI HÓA TRONG SẢN XUẤT LẠC TẠI NGHỆ AN

Phạm Duy Trinh¹, Phạm Văn Linh¹,
Bùi Văn Hùng¹, Trần Thị Duyên¹, Nguyễn Quang Huy¹

TÓM TẮT

Áp dụng cơ giới hóa (CGH) vào một số khâu trong sản xuất lạc, đồng thời áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống (giống lạc L26), kỹ thuật canh tác... đã làm tăng năng suất lạc đạt 42,7 tạ/ha, tăng so với sản xuất đối chứng từ 16,9 - 28,2%. Hiệu quả kinh tế của mô hình đạt 50,18 triệu đồng/ha, tăng 70% so với sử dụng cùng giống lạc L26 và tăng gấp 2,5 lần so với giống địa phương. Đưa cơ giới hóa vào trong sản xuất đã làm giải phóng sức lao động, giảm chi phí nhân công trên 30%, góp phần thay đổi tập quán canh tác theo hướng sản xuất cánh đồng mẫu lớn, tập trung hàng hóa, tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ giới hóa, kỹ thuật thâm canh, cây lạc, Nghệ An

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, trên thế giới đã phát triển nhiều kỹ thuật, công nghệ giúp cơ giới hóa phần lớn quá trình sản xuất lạc của nông dân. Áp dụng CGH các khâu cho phép giảm đến 80% công lao động, 50 - 70% chi phí sản xuất, nâng cao được hiệu quả kinh tế cho người nông dân (Sao Mai, 2016). Ở Việt

Nam, việc CGH trong sản xuất lạc đã được áp dụng, tuy nhiên chỉ trong phạm vi hẹp và chưa thực sự mang lại hiệu quả.

Để đẩy mạnh áp dụng CGH sản xuất nông nghiệp, tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 CGH khâu làm đất đạt 95%, khâu gieo

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ